

Số: 325/QĐ-PHĐHLN-SV

Đồng Nai, ngày 20 tháng 03 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Chi trả tiền Hỗ trợ chi phí học tập (HT CPHT)  
cho Sinh viên là người dân tộc thiểu số đợt 1 năm 2025**

**GIÁM ĐỐC**

**PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP TẠI TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Quyết định số 4213/QĐ-BGDĐT ngày 01/10/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc thành lập Phân hiệu Trường ĐHLN tại Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4534/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phân hiệu Trường ĐHLN tại tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2014 về việc Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Hội đồng xét cấp học bổng, trợ cấp xã hội và miễn giảm học phí cho sinh viên là người dân tộc thiểu số họp ngày 20/03/2025.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chi trả tiền hỗ trợ chi phí học tập cho 16 sinh viên hệ chính quy là người dân tộc thiểu số diện hộ nghèo, cận nghèo đợt 1 năm 2025, như sau:

(Danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo được cấp hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương căn bản và được cấp đợt 1 là 05 tháng kể từ tháng 02/2025.

**Điều 3.** Trưởng các Khoa CN&KT; Kinh tế; Lâm học; Nông học; TN&MT, Phòng CT&CT SV; TCKT và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, SV.



Mai Hải Châu



## DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 325./QĐ-PHDHLN-SV ngày 20 tháng 03 năm 2025 của Giám đốc Phân hiệu Trường Đại học Lâm nghiệp tại tỉnh Đồng Nai)

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày, tháng năm sinh	Tên lớp	Đối tượng	Dân tộc	Lương tối thiểu 2.340.000		Thành tiền	Ghi chú
							Số tháng	Mức hỗ trợ/tháng		
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9) = (7*8)	
<b>A</b>	<b>Khoa Lâm học</b>									
1	227850103069	Nguyễn Văn Hiệp	03/09/2003	K67_QLDD	DTVCHN	Cadong	5	1.404.000	7.020.000	
2	247850103038	Thị Quynh	26/06/2005	K69_QLDD	DTVCHN	M'nông	5	1.404.000	7.020.000	
3	247620205007	H' Hậu	08/10/2006	K69_LS	DTVCHN	Mạ	5	1.404.000	7.020.000	
<b>B</b>	<b>Khoa Nông học</b>									
4	227640101034	Hồ Thị Bích Loan	24/03/2003	K67A_THUY	DTVCHN	Gré triêng	5	1.404.000	7.020.000	
<b>C</b>	<b>Khoa TN&amp;MT</b>									
5	217850101011	Lương Thị Mùi	29/10/2003	K66_QLTN&MT	DTVCCN	Thái	5	1.404.000	7.020.000	
6	237640101008	Lương Thị Hương	11/03/2005	K68_QLTN&MT	DTVCHN	Thái	5	1.404.000	7.020.000	
7	237620211022	Điền Kiệt	17/08/2004	K68_QLTNR	DTVCHN	M'nông	5	1.404.000	7.020.000	
8	237850101017	K' Zin	11/01/2004	K68_QLTNR	DTVCHN	Kơ Ho	5	1.404.000	7.020.000	
9	237620211004	Điền Hiền	17/08/2005	K68_QLTNR	DTVCHN	Kơ Ho	5	1.404.000	7.020.000	
10	237620211029	K' Đuy	18/10/2005	K68_QLTNR	DTVCHN	Nộp	5	1.404.000	7.020.000	
11	247620211010	Thị Liệu	13/09/2006	K69_QLTN&MT	DTVCHN	M'nông	5	1.404.000	7.020.000	
12	247850101019	Thị Nhi	09/01/2006	K69_QLTN&MT	DTVCCN	Stiêng	5	1.404.000	7.020.000	
13	247850101025	H' Út	14/07/2006	K69_QLTN&MT	DTVCHN	Mạ	5	1.404.000	7.020.000	
14	247620211025	Ka Thuyền	07/01/2006	K69_QLTNR	DTVCCN	Mạ	5	1.404.000	7.020.000	
15	247620211013	Điền Lưng	25/02/2006	K69_QLTNR	DTVCCN	M'nông	5	1.404.000	7.020.000	
16	247620211009	Điền Khuyết	13/01/2006	K69_QLTNR	DTVCCN	M'nông	5	1.404.000	7.020.000	
<b>Cộng</b>									<b>112.320.000</b>	

(Một trăm mười hai triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn)